|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG**TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**Số: 603/TB-ĐHKTKTCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2022* |

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH**

**ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2022**

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2022, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2022 với các nội dung sau:

**1. Thông tin Mã ngành, ngành, chuyên ngành, tổ hợp đăng ký xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể như sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã ngành**  | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu** | **Mức điểm** **nhận hồ sơ** | **Tổ hợp đăng ký xét tuyển**  |
| **Điểm thi THPT** | **Học bạ THPT** |
| **I** | **Cơ sở Hà Nội** |  |  |  |  |
| 1 | 7510605 | Ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng | 40 | *Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học ngành Kinh doanh thương mại đợt 1*  | A00; A01; C01 và D01 |
| 2 | 7340115 | Ngành Marketing | 40 | *Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học ngành Quản trị kinh doanh đợt 1*  |
| 3 | 7460108 | Ngành Khoa học dữ liệu | 10 | ≥ 22.0 | ≥ 24.2 |
| 4 | 7340204 | Ngành Bảo hiểm | 25 | ≥ 21.0 | ≥ 23.5 |
| 5 | 7540202 | Ngành Công nghệ sợi, dệt | 30 | ≥ 19.0 | ≥ 21.0 |
| 6 | 7540101 | Ngành Công nghệ thực phẩm | 70 | ≥ 21.0 | ≥ 23.5 | A00; A01; B00 và D07 |
| **II** | **Cơ sở Nam Định** |  |  |  |  |
| 1 | 7220201 | Ngành Ngôn ngữ Anh | 30 | ≥19.0 | ≥ 20.8 | A01, D01, D09 và D10 |
| 2 | 7340101 | Ngành Quản trị kinh doanh | 90 | ≥18.5 | ≥ 20.5 | A00; A01; C01 và D01A00; A01; C01 và D01 |
| 3 | 7340121 | Ngành Kinh doanh thương mại | 30 | ≥18.5 | ≥ 20.5 |
| 4 | 7340201 | Ngành Tài chính - Ngân hàng | 55 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 5 | 7340301 | Ngành Kế toán | 100 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 6 | 7480102 | Ngành Mạng máy tính và TTDL | 30 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 7 | 7480108 | Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính | 30 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 8 | 7480201 | Ngành Công nghệ thông tin | 50 | ≥19.0 | ≥ 20.8 |
| 9 | 7510201 | Ngành CNKT cơ khí | 25 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 10 | 7510203 | Ngành CNKT cơ - điện tử | 35 | ≥18.5 | ≥ 20.5 |
| 11 | 7510205 | Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô | 15 | ≥18.5 | ≥ 20.5 |
| 12 | 7510301 | Ngành CNKT điện, điện tử | 25 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 13 | 7510302 | Ngành CNKT điện tử – viễn thông | 35 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 14 | 7510303 | Ngành CNKT điều khiển và tự động hoá | 40 | ≥18.5 | ≥ 20.5 |
| 15 | 7540204 | Ngành Công nghệ dệt, may | 40 | ≥17.5 | ≥ 19.5 |
| 16 | 7810103 | Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 35 | ≥17.5 | ≥ 19.5 | A00; A01; C00 và D01 |
| ***Tổng:***  | ***880*** |  |  |  |

**Ghi chú:**

*- Thí sinh có nguyện vọng học tập tại cơ sở Hà Nội của Nhà trường ghi mã đăng ký xét tuyển* ***DKK*** *vào sau mã ngành chuẩn.*

*- Thí sinh có nguyện vọng học tập tại cơ sở Nam Định của Nhà trường ghi mã đăng ký xét tuyển* ***DKD*** *vào sau mã ngành chuẩn.*

*- Đối với các ngành có số lượng thí sinh nhập học dưới 15 sinh viên Nhà trường sẽ không mở lớp, đồng thời sẽ tạo điều kiện cho những thí sinh trúng tuyển và nhập học ở những ngành đó được chuyển sang ngành khác có điểm tương ứng.*

*- Bảng mã tổ hợp các môn xét tuyển:*

|  |
| --- |
| ***Tổ hợp các môn xét tuyển******kết quả thi tốt nghiệp THPT và kết quả học tập bậc THPT*** |
| A00 | Toán - Vật lí – Hóa học | D01 | Toán - Anh văn - Ngữ văn |
| A01 | Toán - Vật lí – Anh văn | D07 | Toán – Hóa - Anh văn |
| B00 | Toán - Sinh học - Hóa học | D09 | Toán – Lịch sử - Anh văn |
| C01 | Toán - Vật lý – Ngữ văn | D10 | Toán – Địa lý – Anh văn |
| C00 | Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý | - | - |

**2. Phương thức tuyển sinh:**

**2.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.**

**2.1.1.Chỉ tiêu tuyển sinh:**Nhà trường dự kiến dành 70% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh để xét tuyển theo phương thức này.

**2.1.2. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:**

***2.1.2.1. Đối tượng***

a. Thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển đại học;

b. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành **Marketing:** Là Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học ngành Quản trị kinh doanh đợt 1;

c. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành **Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng:** Là Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học ngành Kinh doanh thương mại đợt 1.

***2.1.2.2. Điều kiện xét tuyển***

a. Điểm xét tuyển phải cao hơn hoặc bằng mức điểm nộp hồ sơ xét tuyển. Trong đó điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau :

- Đối với tổ hợp môn xét tuyển các môn không nhân hệ số:

ĐXT = TN1 + TN2 + TN3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó: TN1, TN2, TN3 là kết quả điểm thi THPT năm 2022 của các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển.

- Đối với ***Ngành ngôn ngữ Anh***:

ĐXT = (TN1 + TN2 + môn Anh văn x 2) x 3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó: TN1, TN2 là kết quả điểm thi THPT năm 2022 của các môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0

b. Đối với ngành Ngôn ngữ anh, điểm môn Anh văn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt từ 5,00 điểm trở lên.

**2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT.**

**2.2.1. Chỉ tiêu xét tuyển:**Nhà trường dự kiến dành 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh để xét tuyển theo phương thức này.

**2.2.2. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:**

a. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

b. Hạnh kiểm kỳ 1 lớp 11, kỳ 2 lớp 11 và năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên;

c. Điểm xét tuyển phải cao hơn hoặc bằng mức điểm nộp hồ sơ xét tuyển. Trong đó điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau;

- ĐXT = HB1 + HB2 + HB3 + Điểm ưu tiên (nếu có), trong đó:

+ HB1 là điểm trung bình các môn trong tổ hợp xét tuyển học kỳ 1 lớp 11;

+ HB2 là điểm trung bình các môn trong tổ hợp xét tuyển học kỳ 2 lớp 11;

+ HB3 là điểm trung bình các môn trong tổ hợp xét tuyển năm lớp 12.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0.

d. Đối với ngành Ngôn ngữ anh điểm trung bình môn Anh văn trong các học kỳ xét tuyển đạt 6,50 điểm trở lên;

**3. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường hoặc nộp qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh từ ngày 23/09/2022 đến 17h00 ngày 07/10/2022 *(tính theo dấu bưu điện);*

- Dự kiến công bố kết quả xét tuyển trong ngày 08/10/2022.

**4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:**

- 01 Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022;

- 01 bản sao học bạ THPT;

- 01 bản sao Bằng hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022);

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo ***Phụ lục*** đính kèm.

- Bản sao giấy chứng nhận ưu tiên *(nếu có)*

*Ghi chú: Mỗi thí sinh có thể đăng ký nhiều nguyện vọng trong cùng đợt xét tuyển.*

**5. Lệ phí đăng ký xét tuyển:** 30.000 đồng/nguyện vọng.

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT qua đường bưu điện phải nộp lệ phí ĐKXT vào tài khoản của Nhà trường, nếu không thực hiện thí sinh sẽ không được đưa vào danh sách xét tuyển;

- Số tài khoản của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhận lệ phí ĐKXT năm 2022: 1420201004334 tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Đông Hà Nội.

*Ghi chú: Nội dung chuyển tiền thí sinh cần ghi chính xác thông tin cá nhân như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số CMND hoặc Thẻ CCCD, lệ phí xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức xét học bạ THPT…*

**6. Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ ĐKXT:** Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Cơ sở Hà Nội: Phòng 109 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 218 Đường Lĩnh Nam, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Cơ sở Nam Định: Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 353, Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định.

**-** Hotline: 0962698288

- Email: tuyensinh@uneti.edu.vn

**-** Website: [www.uneti.edu.vn](http://www.uneti.edu.vn) ; [www.tuyensinh.uneti.edu.vn](http://www.tuyensinh.uneti.edu.vn)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi gửi:***- Website trường; - Các đơn vị trong và ngoài trường;- Lưu VT, TS&TT. | **HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS***(đã ký)**(đã ký)****TS. Trần Hoàng Long*** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG**TRƯỜNG ĐẠI HỌC****KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

**ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2022**

**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sính:**…………………………...…………………………..………

(*Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu*)  **Giới tính:** *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0*)

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**

(*Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu*)*Ngày Tháng Năm*

**3. Nơi sinh:** *(tỉnh hoặc thành phố)*......................................................,**4. Dân tộc:**…………………

**5. Số CMND/Thẻ CCCD:** *(Ghi mỗi số vào một ô)*

**6. Hộ khẩu thường trú:**.........................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................

**7. Đăng ký xét tuyển ngành:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguyện vọng** | **Tên ngành** | **Mã ngành** | **Mã tổ hợp xét tuyển** |
| 1 | NV1 |  |  |  |
| 2 | NV2 |  |  |  |
| 3 | NV3 |  |  |  |
| ... | ..... |  |  |  |

**8. Đăng ký xét tuyển theo phương thức:**..............................................................................

**9. Hồ sơ nộp kèm phiếu ĐKXT:**

**-** 01 bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)

- Bản sao học bạ THPT

- Bản sao Bằng, Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT

**10. Địa chỉ liên hệ của thí sinh:**………….......................……........................................................

……………………………………………………………..………………….……………………

Điện thoại liên lạc:…...........……………………………Email:……..…………………………......

Tôi xin cam đoan những lời khai trong phiếu ĐKXT này hoàn toàn là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

 *Ngày.........tháng..........năm 2022*

 **Thí sinh**

 *(Ký và ghi rõ họ, tên)*